

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 158 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 254/STC.-NSNN ngày 09 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (văn bản điện tử đính kèm).

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Các đối tượng nêu tại: Khoản 1 Điều 3; các điểm: b, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, s, t khoản 2 Điều 3; điểm r khoản 2 Điều 3 (Người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội thường xuyên hàng tháng); các điểm: a, b, c khoản 3 Điều 3; điểm a khoản 4 Điều 3 (Học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú tại Đồng Nai và đang theo học ở các trường dân tộc nội trú thuộc cấp xã quản lý; trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lại ngoài các trường đã có đơn vị chủ quản chi trả); điểm c khoản 4 Điều 3 (Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn cấp xã); các điểm: đ, e khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND: Do ngân sách cấp xã bố trí kinh phí.

2. Các đối tượng còn lại: Do ngân sách cấp tỉnh cân đối cấp kinh phí.

3. Đối với người lao động ngoài biên chế thì các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng kinh phí khoán, tự chủ của đơn vị để thực hiện hỗ trợ Tết tùy theo tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

4. Trường hợp có khả năng xã hội hóa kinh phí để hỗ trợ Tết cho các đối tượng trên địa bàn, các địa phương thực hiện hỗ trợ bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và báo cáo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm cấp phát

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm c và điểm d khoản 2; khoản 5 (bệnh nhân của các bệnh viện Trung ương), điểm b khoản 6; khoản 7; khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND.

2. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chi trả cho các đối tượng tại điểm r khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND (Nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng Công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đã thôi việc do yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, đơn vị (trên 55 tuổi)).

3. Sở Y tế chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm c Khoản 4 (trừ các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn cấp xã), Khoản 5 Điều 3 (bệnh nhân của các bệnh viện địa phương quản lý) Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại điểm a khoản 4 (Học sinh đang học tại các trường dân tộc nội trú thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý), điểm d khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng nêu tại điểm a khoản 4 (học sinh là người dân tộc thiểu số đang học trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật) và điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND.

6. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm h khoản 2 Điều 3 (thương binh do đơn vị quản lý), điểm q khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND.

7. Trường Đại học Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND (Học sinh khiếm thính của trường Phổ thông Thực hành sư phạm và học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú tại Đồng Nai đang theo học ở Trường Đại học Đồng Nai).

8. Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai chi trả cho các đối tượng nêu tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND (Học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú tại tỉnh Đồng Nai đang học tại Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai).

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm hướng dẫn UBND các xã, phường đảm bảo thủ tục chi trả cho các đối tượng tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND đúng đối tượng.

10. Công an tỉnh chịu trách nhiệm chi trả: Các đối tượng tại điểm h khoản 2 Điều 3 (thương binh do đơn vị quản lý); điểm a khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND.

11. Các đơn vị dự toán khối tỉnh, khối Đảng chủ động, cân đối sử dụng dự toán chi ngân sách được giao năm 2026 và các năm tiếp theo để chi trả kịp thời cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động sử dụng dự toán chi ngân sách được giao năm 2026 và các năm tiếp theo để chi trả kịp thời cho các đối tượng nêu tại: khoản 1 Điều 3; các điểm: b, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, s, t khoản 2 Điều 3; điểm r khoản 2 Điều 3 (Người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội thường xuyên hàng tháng); các điểm: a, b, c khoản 3 Điều 3; điểm a khoản 4 Điều 3 (Học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú tại Đồng Nai và đang theo học ở các trường dân tộc nội trú thuộc cấp xã quản lý; trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn lại ngoài các trường đã có đơn vị chủ quản chi trả); điểm c khoản 4 Điều 3 (Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn cấp xã); các điểm: đ, e khoản 4 Điều 3. Riêng đối tượng quy định tại điểm r khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND: UBND các xã, phường chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai lập thủ tục cấp phát, chi trả kịp thời cho các đối tượng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng có trách nhiệm cung cấp danh sách đối tượng được cấp phát đang hưởng lương hưu, họ tên, số định danh cá nhân, số điện thoại (nếu có), địa chỉ chính xác gửi Phòng Văn hóa xã hội các xã, phường để chống trùng đối tượng và làm căn cứ chi trả.

Điều 4. Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện việc rà soát, lập danh sách được hỗ trợ, không trùng lặp đối tượng và các mức kinh phí. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Các đối tượng là bệnh nhân, phạm nhân, trại viên được hỗ trợ Tết tính theo danh sách quản lý của đơn vị trong 05 ngày nghỉ theo quy định tại Điều 112 Bộ Luật Lao động và quyết định hàng năm của cấp có thẩm quyền.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng trước dịp nghỉ Tết nguyên đán.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Giao Sở Tài chính căn cứ Quyết định này hướng dẫn thủ tục hồ sơ, thời gian thực hiện chi trả, các nội dung khác liên quan và theo dõi việc thực hiện hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh theo quy định; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Dân tộc và Tôn giáo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khối tỉnh, khối Đảng, khối xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các hội, đoàn thể;
- Thường trực Đảng ủy và HĐND, UBND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- UBMTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Chánh - Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, HCTC, QTTV, KTNS. *hanh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

Số: 66 /2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên Đán
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết
Nguyên Đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 639/BC-BKTNS
ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ
trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ trong dịp Tết
Nguyên đán từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình, cá nhân là đối tượng người có công
với cách mạng, đối tượng thuộc diện chính sách, bảo trợ xã hội, hưu trí, bệnh
nhân, phạm nhân, đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

2. Công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan ngành
dọc và một số đơn vị quân đội trên địa bàn có quan hệ phối hợp với tỉnh Đồng
Nai.

3. Các tổ chức, cá nhân, gia đình, đơn vị có liên quan đến việc triển khai thực
hiện Nghị quyết này trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng

1. Mức 10.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí hoạt động cách mạng
trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

2. Mức 1.200.000 đồng/người (hoặc 1.200.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối
tượng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức (đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận) đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh; nhân viên của các bệnh viện công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Cán bộ, công chức, viên chức (đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận) đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố theo quy định hiện hành;

c) Cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự, Liên đoàn Lao động, Thống kê, Bảo hiểm xã hội; Cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04, Cục dò tìm Xử lý Bom mìn 3, Ngân hàng chính sách xã hội, Trạm Rada 17, Cục Quân khí Kho K882, Phân Kho 840C, Đoàn kinh tế quốc phòng 778-Quân khu 7, Cụm điệp báo 5 - Quân khu 7;

d) Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện Quân y 7B, Trường Cao đẳng Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2, Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama II, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập;

đ) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

e) Lực lượng dân quân thường trực ở xã, phường;

g) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến (riêng Bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng thêm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng);

h) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền quản lý; thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

CAT.
Phụ lục

✍ k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy đang hưởng trợ cấp hằng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng;

✍ l) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hằng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đại diện thân nhân liệt sĩ;

✍ m) Người được hưởng chế độ tiền tuất người có công (từ trần);

✍ n) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%;

✍ o) Con của người hoạt động kháng chiến mà bản thân bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hằng tháng;

✍ p) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương và một số đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng (theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 và Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ);

q) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1;

✍ r) Người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội thường xuyên hằng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng Công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công

✍
+ BHXH

ty con; các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đã thôi việc do yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, đơn vị (trên 55 tuổi) được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng;

↳ s) Hộ nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của địa phương (hoặc chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương trong trường hợp địa phương chưa ban hành chuẩn nghèo riêng);

↳ t) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

3. Mức 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

↳ a) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế (hưởng trợ cấp 1 lần);

↳ b) Người có công giúp đỡ cách mạng (hưởng trợ cấp 1 lần);

↳ c) Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của địa phương hoặc chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương trong trường hợp địa phương chưa ban hành chuẩn nghèo riêng.

4. Mức 720.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng:

↳ (a) Học sinh đang học tại Trường Dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh; học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú tại tỉnh Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp, các trung tâm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; học sinh khiếm thính của Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm;
 ↳ VNT: SD. → ĐN: Thủ hợ SP & thiểu số → CQT: Thủ hợ CQT

↳ (b) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

↳ (c) Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập cấp tỉnh (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận), người lang thang, cơ nhỡ tập trung về ăn tết tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

↳ (d) Các đối tượng tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

↳ (e) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng;

↳ f) Các đối tượng hưởng chính sách hưu trí xã hội.

(5) Mức 500.000 đồng/người hỗ trợ cho bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ^{5.4}ăn Tết tại cơ sở y tế.

6. Mức 240.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng:

(a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy;

(b) Phạm nhân đang chấp hành án trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4; Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

(7) Mức 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho khoảng 15.000 đoàn viên, người lao động của Liên đoàn Lao động có hoàn cảnh khó khăn thông qua Liên đoàn Lao động tỉnh:

a) Đoàn viên, người lao động bị tai nạn lao động, mắc bệnh nghề nghiệp; bản thân hoặc vợ/chồng/con mắc bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo, gặp rủi ro hoạn nạn; người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ;

b) Đoàn viên, người lao động đơn thân nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi; phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

c) Đoàn viên, người lao động tại doanh nghiệp bị giảm đơn hàng, hoặc doanh nghiệp gặp khó khăn phải thu hẹp sản xuất, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, di dời đi nơi khác, người sử dụng lao động bỏ trốn, dẫn đến người lao động bị nghỉ việc không lương, tạm hoãn hợp đồng lao động, ngừng việc, bị nợ lương, nợ thưởng, chấm dứt hợp đồng lao động; hoặc có thu nhập thấp (tiền lương tháng thấp hơn mức lương tối thiểu);

d) Đoàn viên, người lao động thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; gia đình có thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng; gia đình bị ảnh hưởng bởi di chứng chất độc màu da cam;

đ) Đoàn viên, người lao động bị mất việc làm do doanh nghiệp khó khăn phải thu hẹp sản xuất, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, chủ doanh nghiệp bỏ trốn tại thời điểm chăm lo Tết Nguyên đán;

e) Đoàn viên, người lao động ở trọ, xa quê nhiều năm liền chưa có điều kiện về quê sum họp với gia đình trong dịp Tết Nguyên đán.

(8) Hỗ trợ cho một số đơn vị quân đội trên địa bàn tỉnh và một số đơn vị quân đội cấp Trung ương có quan hệ phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai theo danh sách hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Mức 202.000.000 đồng (tiền mặt 200.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp quân khu;

b) Mức 52.000.000 đồng (tiền mặt 50.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp quân đoàn, sư đoàn;

c) Mức 32.000.000 đồng (tiền mặt 30.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp lữ đoàn;

d) Mức 22.000.000 đồng (tiền mặt 20.000.000 đồng và 01 phần quà trị giá 2.000.000 đồng) cho đơn vị cấp trung đoàn;

đ) Mức 10.000.000 đồng cho đơn vị cấp tiểu đoàn;

e) Mức 5.000.000 đồng cho đơn vị cấp đại đội.

9. Căn cứ khả năng tài chính, các cơ quan hành chính nhà nước xem xét sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ tiết kiệm được và các nguồn hợp pháp khác (nếu có), các đơn vị sự nghiệp công lập xem xét sử dụng nguồn Quỹ phúc lợi và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) để chi hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán cho người lao động của cơ quan ngoài các đối tượng quy định tại Nghị quyết này. Đối tượng và mức chi hỗ trợ được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Ngân sách cấp tỉnh, xã không được chi thêm một khoản hỗ trợ Tết nào khác ngoài mức hỗ trợ và các đối tượng được hỗ trợ nêu trên. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất (Riêng đối với trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì người thờ cúng liệt sĩ được nhận quà, mỗi liệt sĩ thì người thờ cúng liệt sĩ có quyết định thờ cúng được nhận 01 suất quà).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; đồng thời, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/3 hằng năm.

4. Liên đoàn lao động tỉnh có trách nhiệm báo cáo, công khai kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận: Phân

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục kiểm tra và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh

5/10/2025